TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1126/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Dũng
2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 394/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về ‘‘Hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 394/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thành Bảo L, sinh năm 1957; Địa chỉ: D N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Tên gọi mới: 04 N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Công ty Cổ phần C; Trụ sở: Số D H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Tên gọi mới: D H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trần K – sinh năm 1987, số CMND: 052087007185; Địa chỉ: B T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Tên gọi mới: 254 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1958; Địa chỉ: D N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Tên gọi mới: 04 N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thành Bảo L trình bày: Tháng 6 năm 2022, sau khi được Công ty Cổ phần C (sau đây gọi là bị đơn) giới thiệu và tư vấn việc bị đơn đang có nhu cầu vay vốn để xây dựng, phát triển nhiều dự án cảnh quan cây xanh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên bà đã đồng ý ký kết 03 hợp đồng vay vốn kinh doanh như sau:

- Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-115 ngày 29/6/2022, số tiền gốc 100.000.000 đồng; lãi suất cố định: 1.250.000 đồng, lãi suất thưởng: 1.250.000 đồng, lãi suất tổng: 2.500.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-119 ngày 04/7/2022, số tiền gốc 100.000.000 đồng; lãi suất cố định: 1.250.000 đồng, lãi suất thưởng: 1.250.000 đồng, lãi suất tổng: 2.500.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-143 ngày 05/10/2022, số tiền gốc 100.000.000 đồng; lãi suất cố định: 1.250.000 đồng, lãi suất thưởng: 1.000.000 đồng, lãi suất tổng: 2.250.000 đồng.

Cả 03 hợp đồng đều có thời hạn vay 01 năm, định kỳ trả lãi hàng tháng và trả nợ tiền gốc khi hết thời hạn vay.

Thực hiện hợp đồng, bà đã nộp tiền mặt đủ số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn. Bị đơn chỉ chuyển trả lãi được vài lần nhưng số tiền không cố định. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền lãi nên bà có đến trụ sở của bị đơn thì có nhân viên báo là bị đơn đã chuyển đi nơi khác, không còn hoạt động kinh doanh ở đây, bà liên hệ qua điện thoại thì không được. Đồng thời, bà được biết còn rất nhiều người khác cũng lâm vào tình trạng như bà. Đến ngày trả số tiền gốc, bị đơn vẫn trốn tránh nghĩa vụ nên bà đã làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an Thành phố H, theo Công văn số 5949/PC03-DD2 ngày 31/12/2023 được hướng dẫn bà khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân.

Số tiền này là tài sản chung của hai vợ chồng nên bà khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho bà và ông H toàn bộ khoản tiền vay gốc theo 03 hợp đồng vay vốn kinh doanh là 300.000.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu khởi kiện, bà có yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm ký hợp đồng đến khi vụ án giải quyết xong với lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng. Nay, bà xác định chỉ yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi bà không yêu cầu. Việc bị đơn trả số tiền gốc 300.000.000 đồng thể hiện giữa các bên không còn bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan. Đối với lãi chậm thi hành án, bà yêu cầu kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả hết số tiền 300.000.000 đồng.

Phía bị đơn có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 30/5/2025: Xác nhận Công ty có ký với nguyên đơn các hợp đồng vay vốn như nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện. Bị đơn sẽ xem xét phương án giải quyết sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh H có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 10/7/2025: Số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền chung của hai vợ chồng (ông và bà L). Việc giao dịch này ông có biết. Nay, ông thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho ông và nguyên đơn số tiền đã vay.

Do phía bị đơn vắng mặt tại Tòa và nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa lập biên bản ghi nhận vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý

của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát cũng như việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng giữa theo 03 hợp đồng vay vốn kinh doanh đã ký. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 300.000.000 đồng để chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Qua lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa các bên đã phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; bị đơn hiện có trụ sở đăng ký kinh doanh tại phường T (trước đây là Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Xét việc khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4.

[1.2] *Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa*: Do Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn trình bày giữa bà và bị đơn đã ký: Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-115 ngày 29/6/2022, hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-119 ngày 04/7/2022 và Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-143 ngày 05/10/2022. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao tiền mặt đủ số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn. Ngoài số tiền lãi bị đơn chuyển khoản theo bảng kê của Ngân hàng mà nguyên đơn đã cung cấp, nguyên đơn không nhận thêm khoản tiền lãi nào khác. Phía bị đơn xác nhận có ký với nguyên đơn 03 hợp đồng trên và sẽ trình bày phương án giải quyết nhưng sau đó không có mặt tại Tòa để tham gia quá trình tố tụng tiếp theo nên Tòa sẽ căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của nguyên đơn để xem xét, giải quyết. Tại mục 5.3 Điều 5 của các hợp đồng có thỏa thuận: " Việc thanh toán nợ lãi, gốc được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên A hoặc tài khoản do Bên A chỉ định hoặc bằng tiền mặt". Theo bảng chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng do Ngân hàng Thương

mại Cổ phần S – Chi nhánh G cung cấp, khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 09/9/2025 thể hiện bị đơn có thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn vào các đợt như sau: "Ngày 02/8/2022 số tiền 2.500.000 đồng , nội dung: CTY VSETNATURE TRA LOI TUC THANG 7", "Ngày 29/8/2022 số tiền 2.500.000 đồng, nội dung: C1 LOI TUC THANG 8", "Ngày 05/10/2022 số tiền 5.000.000 đồng, nội dung: CTY VSETNATURE TRA LOI TUC THANG 9 VSN06-155 VÀ LOI TUC THÁNG 10 VSN06-119 FT22278131910471", "Ngày 14/11/2022 số tiền 2.250.000 đồng, nội dung: CONG TY VSETNATURE TRA LOI TUC THANG 11", "Ngày 11/01/2023 số tiền 750.000 đồng VÀ 675.000 đồng, nội dung: CONG TY VSETNATURE TRA LOI TUC THANG 1", "Ngày 04/7/2023 và ngày 05/7/2023 cùng số tiền số tiền 150.000 đồng, nội dung: CONG TY VSETNATURE TRA LOI TUC THANG 7", "Ngày 31/7/2023 số tiền 50.000 đồng , nội dung: CONG TY VSETNATURE TRA LOI TUC THANG 7". Như vậy, qua lời trình bày của các bên cùng việc bị đơn trả các khoản tiền lãi này có cơ sở xác định bị đơn có vay nguyên đơn số tiền gốc 300.000.000 đồng . Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh H cùng xác định khoản tiền cho bị đơn vay là tài sản chung vợ chồng nên hội đồng xét xử ghi nhậnviệc bị đơn phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng cho nguyên đơn và ông H theo quy định tại Điều 29, 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo như đơn khởi kiện, bị đơn có yêu cầu tiền lãi. Sau đó, nguyên đơn trình bày khoản tiền lãi đã nhận trước đây của bị đơn tuy không đúng và đủ như thỏa thuận tại các hợp đồng nhưng nay nguyên đơn xác nhận nghĩa vụ trả tiền lãi của bị đơn đã xong nên không yêu cầu gì đối với các khoản lãi phát sinh ngoài yêu cầu trả tiền gốc. Đối với số tiền lãi bị đơn đã trả là không thực hiện đủ nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi trên số tiền vay gốc. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo quy định.

- Bị đơn chịu án phí tương ứng số tiền án phí phải chịu 15.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 29, 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thành Bảo L

1.1. Buộc Công ty Cổ phần C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thành Bảo L và ông Huỳnh Thanh H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để chấm dứt quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-115 ngày 29/6/2022, Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-119 ngày 04/7/2022 và Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 2022/VSN06-143 ngày 05/10/2022.

1.2. Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thành Bảo L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003099 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty Cổ phần C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3/ Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo